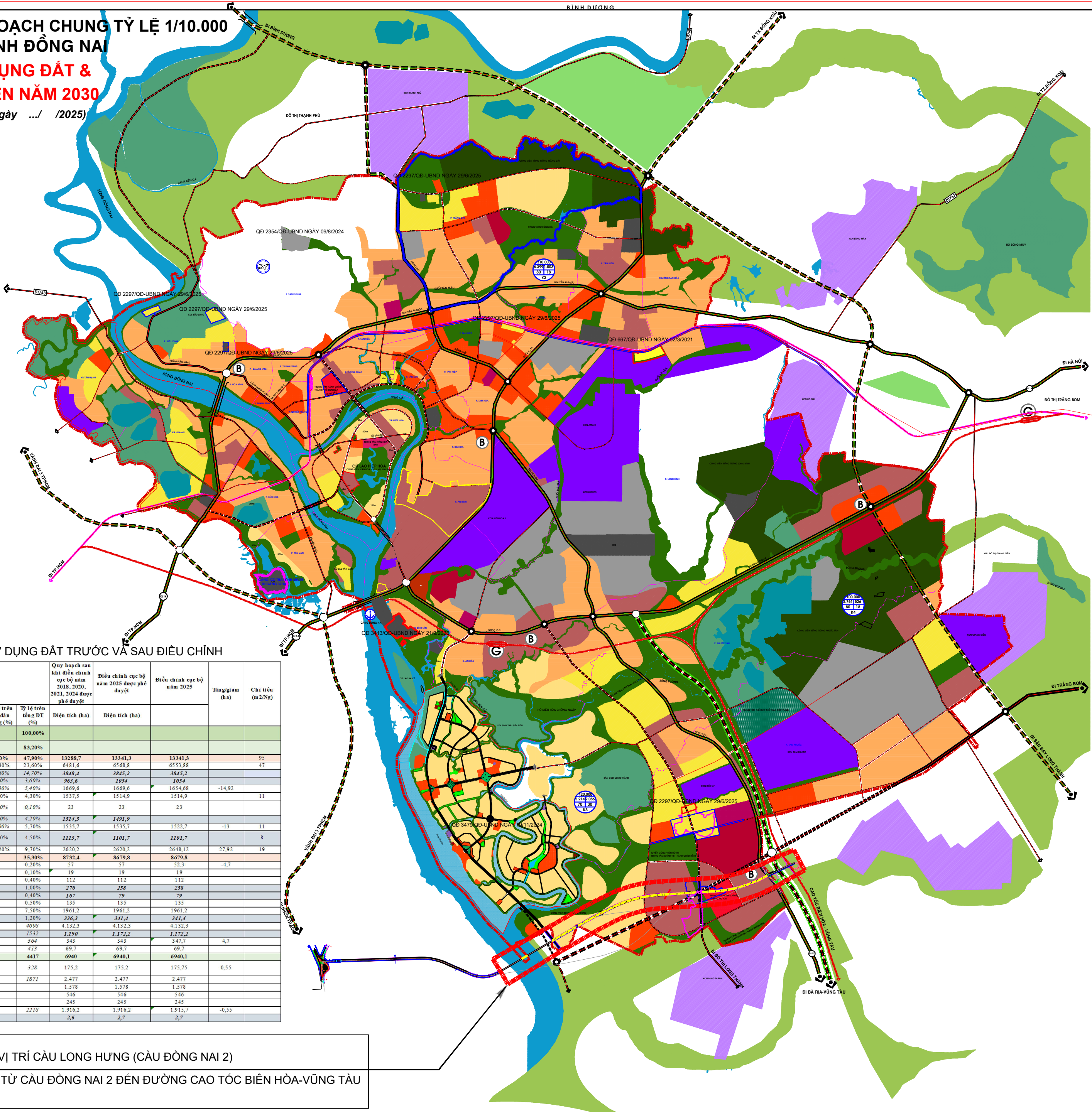


ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG TỶ LỆ 1/10.000
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT & PHÂN KHU CHỨC NĂNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2025)



- KÝ HIỆU:**
- KHU TRUNG TÂM VĂN HÓA CẤP VÙNG
 - KHU TRUNG TÂM TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI DV CẤP VÙNG
 - KHU TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CẤP VÙNG
 - KHU TRUNG TÂM Y TẾ CẤP VÙNG
 - KHU TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO CẤP VÙNG
 - KHU TRUNG TÂM HCCT-VĂN HÓA
 - KHU TRUNG TÂM CÔNG CỘNG-TMDV ĐÔ THỊ
 - KHU PHÁT TRIỂN HỖN HỢP
 - KHU Ở CẢI TẠO CHÍNH TRẠNG
 - KHU Ở XÂY MỚI MẬT ĐỘ CAO
 - KHU Ở XÂY MỚI MẬT ĐỘ THẤP
 - KHU Ở XÂY MỚI MẬT ĐỘ THẤP (TẠO VƯỜN)
 - KHU CÂY XANH - CÔNG VIÊN
 - KHU CÔNG VIÊN SINH THÁI
 - KHU DU LỊCH
 - KHU RỪNG TRỒNG
 - KHU CÔNG NGHIỆP
 - KHU ĐẦU MỐI HÀ TĂNG KỸ THUẬT
 - KHU QUẢN LÝ
 - KHU CÔNG NGHIỆP NGOÀI RANH GIỚI HC
 - KHU NÔNG NGHIỆP NGOÀI RANH GIỚI HC
 - KHU CÂY XANH NGOÀI RANH GIỚI HC
 - KHU DU LỊCH NGOÀI RANH GIỚI HC
 - SÔNG NGÒI
 - AO HỒ CẢNH QUAN
 - ĐƯỜNG CAO TỐC DỰ KIẾN
 - ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ
 - ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ DỰ KIẾN
 - ĐƯỜNG TỈNH
 - ĐƯỜNG TỈNH DỰ KIẾN
 - ĐƯỜNG KHU VỰC
 - ĐƯỜNG KHU VỰC DỰ KIẾN
 - ĐƯỜNG SẮT
 - ĐƯỜNG SẮT DỰ KIẾN
 - SÂN BAY
 - NHÀ GA
 - BẾN CẢNG
 - BẾN XE
 - RANH GIỚI TP BIÊN HÒA
 - RANH PHƯỜNG

DANH SẪNG NGƯỜI
BẮT ĐẦU THỰC HIỆN
HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ

ĐẠI DIỆN
HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH

Quy hoạch chung được phê duyệt năm 2014					Quy hoạch sau khi điều chỉnh cục bộ năm 2025 được phê duyệt		Điều chỉnh cục bộ năm 2025		Tăng/giảm (ha)	Chỉ tiêu (m ² /Ng)
STT	Danh mục sử dụng đất	Chỉ tiêu (m ² /Ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ trên đất đai (%)	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)				
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			26355	100,00%						
A. ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ			21958	83,20%						
1	Đất xây dựng đô thị	85 + 90	12625	100%	47,90%	13298,7	13341,3	13341,3		95
1.1	Đất ở đô thị	40 + 45	6233	49,40%	23,60%	6481,6	6553,88	6553,88		47
1.1.1	Đất ở hiện hữu		3863	30,60%	14,70%	3848,4	3845,2	3845,2		
1.1.2	Đất ở xây mới mật độ cao		938	7,40%	3,00%	963,6	1054	1054		
1.1.3	Đất ở xây mới mật độ thấp		1431	11,30%	3,40%	1669,6	1669,6	1654,68	-14,92	
2	Đất công trình công cộng	8 + 10	1139	9,00%	4,30%	1537,5	1514,9	1514,9		11
2.1	Đất trung tâm HCCT-văn hóa cấp thành phố		23	0,20%	0,10%	23	23	23		
2.2	Đất trung tâm công cộng-TMDV đô thị		1116	8,80%	4,20%	1514,5	1491,9			
3	Đất phát triển hỗn hợp	10 + 12	1515	12,00%	5,70%	1535,7	1535,7	1522,7	-13	11
4	Đất công viên cây xanh - Không gian mở	8 + 10	1182	9,40%	4,50%	1113,7	1101,7	1101,7		8
5	Đất giao thông đô thị	18 + 20	2556	20,20%	9,70%	2620,2	2620,2	2648,12	27,92	19
II	Đất ngoài đô thị		9313	35,30%	8732,4	8679,8				
6	Đất trung tâm HCCT-văn hóa cấp tỉnh		57	0,20%	57	57	52,3		-4,7	
7	Đất trung tâm văn hóa cấp vùng		25	0,10%	19	19	19			
8	Đất trung tâm tài chính-TMDV cấp vùng		112	0,40%	112	112	112			
9	Đất trung tâm đào tạo cấp vùng		270	1,00%	270	258	258			
10	Đất trung tâm y tế cấp vùng		107	0,40%	107	79	79			
11	Đất trung tâm TĐTT cấp vùng		135	0,50%	135	135	135			
12	Đất công nghiệp		1980	7,50%	1981,2	1961,2	1961,2			
13	Đất công trình du lịch HT KT		310	1,20%	336,3	341,4	341,4			
14	Đất quốc phòng - an ninh		4104	40,68	4132,3	4132,3	4132,3			
15	Đất du lịch		1234	1,53	1290	1272,2	1272,2			
16	Đất GT đối ngoại		343	3,04	343	343	347,7		4,7	
17	Đất công viên cây xanh ven sông		171	4,13	69,7	69,7	69,7			
B. ĐẤT KHÁC			7.091	441,7	6940,1	6940,1				
18	Đất cây xanh cảnh quan - cách ly hành lang giao thông		322	3,28	175,2	175,2	175,75		0,55	
19	Đất lâm nghiệp		2.477	18,71	2.477	2.477	2.477			
20	Đất nông nghiệp		1.578	1,578	1.578	1.578	1.578			
21	Đất ở nông thôn		546	546	546	546				
22	Đất mỏ đất		245	245	245	245				
23	Sông suối - mặt nước		1.923	22,18	1.916,2	1.916,2	1.915,7		-0,55	
24	Đất tôn giáo		0	0	2,7	2,7				

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ BỔ SUNG VỊ TRÍ CẦU LONG HƯNG (CẦU ĐỒNG NAI 2)

VÀ PHẠM VI ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI TỪ CẦU ĐỒNG NAI 2 ĐẾN ĐƯỜNG CAO TỐC BIÊN HÒA-VÙNG TÀU

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY.....THÁNG..... NĂM

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ..... NGÀY.....THÁNG..... NĂM

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ..... NGÀY.....THÁNG..... NĂM

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG TỶ LỆ 1/10.000

THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

(THUỘC XÃ AN PHƯỚC VÀ PHƯỜNG TAM PHƯỚC)

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT & PHÂN KHU CHỨC NĂNG ĐẾN NĂM 2030

BẢN VẼ:QH 01/02 GHÉP: FIT 1A0 TỶ LỆ: NGÀY:../2025